

Bản án số: 350/2018/DS-ST

Ngày: 26-7-2018.

V/v tranh chấp về hợp đồng vay
tài sản.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 7 - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Ngọc Phương

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Như Thủy;

2. Ông Nguyễn Hòa Bình.

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Ông Chiêm Tiền Quý Nhân – Thư ký Tòa án nhân dân Quận 7 – Tp. Hồ Chí Minh.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 7, Tp.HCM tham gia phiên tòa:

Bà Trần Thị Yến Hòa - Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 7 năm 2018 tại phòng xử án Tòa án nhân dân Quận C, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự sơ thẩm thụ lý số 287/2017/TLST-DSST ngày 24 tháng 10 năm 2017 về “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 132/2018/QĐST-DS ngày 22 tháng 6 năm 2018 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ngân hàng TMCP S; địa chỉ trụ sở: lầu 8, số 266-268 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, Phường T, Quận B, Thành phố Hồ Chí Minh; Người đại diện hợp pháp của Ngân hàng: ông Phạm Trường T là người đại diện theo ủy quyền (văn bản ủy quyền số 023/2018/UQ-TTT ngày 02/01/2018) - (có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt).

Bị đơn: Ông Cao Việt C, sinh năm 1975; địa chỉ: 20D1 khu dân cư Q, khu phố 2, phường P, Quận C, Thành phố Hồ Chí Minh - (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN

Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

Ngày 05/10/2009, ông Cao Việt C có ký kết với Ngân hàng TMCP S (gọi tắt là Ngân hàng) Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng và Bản điều khoản và điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng – các tài liệu này được gọi chung là Hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng. Căn cứ vào thu nhập của ông C, Ngân hàng đã đồng ý cấp thẻ tín dụng Visa Gold 472075-4771 với hạn mức sử dụng là

100.000.000đ (một trăm triệu đồng). Sau một thời gian sử dụng đến ngày 07/10/2013, ông C có đăng ký thêm thẻ tín dụng JCB Car Card 356481-2784 chung hạn mức tín dụng ban đầu là 100.000.000đ (một trăm triệu đồng), với mục đích tiêu dùng cá nhân.

Sau khi được cấp thẻ tín dụng, ông C đã thực hiện các giao dịch với tổng số tiền là 384.369.309đ (ba trăm tám mươi bốn triệu ba trăm sáu mươi chín ngàn ba trăm lẻ chín đồng), bao gồm thẻ Visa Gold là 372.369.309đ (ba trăm bảy mươi hai triệu ba trăm sáu mươi chín ngàn ba trăm lẻ chín đồng) và thẻ JCB Car Card là 12.000.000đ (mười hai triệu đồng). Tiền lãi được tính trên từng giao dịch phát sinh từng ngày và theo lãi suất Ngân hàng áp dụng từng thời điểm khác nhau quy định tại Điều 22 Bản Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng và ông C phải chịu các khoản phí theo quy định tại Điều 24 Bản Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng. Ông C đã thanh toán được cho Ngân hàng số tiền 397.691.000đ (ba trăm chín mươi bảy triệu sáu trăm chín mươi một ngàn đồng), bao gồm thẻ Visa Gold là 386.911.000đ (ba trăm tám mươi sáu triệu chín trăm mười một ngàn đồng), thẻ JCB Car Card là 10.780.000đ (mười triệu bảy trăm tám mươi ngàn đồng). Số tiền trên được thanh toán áp dụng theo Điều 20 của Bản Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng.

Do ông C vi phạm nghĩa vụ thanh toán theo quy định tại Điều 2 của Bản Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng nên vào ngày 16/01/2015, Ngân hàng đã chấm dứt quyền sử dụng thẻ và chuyển toàn bộ dư nợ còn thiếu sang nợ quá hạn theo quy định tại Điều 23 Bản Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng là 89.329.673đ (tám mươi chín triệu ba trăm hai mươi chín ngàn sáu trăm bảy mươi ba đồng) làm nợ gốc (gồm thẻ Visa Gold là 78.883.035đ và thẻ JCB Car Card là 10.446.638đ), áp dụng lãi suất nợ quá hạn.

Sau khi chuyển nợ quá hạn, ông C có thanh toán được cho Ngân hàng số tiền 7.000.000đ (bảy triệu đồng), gồm thẻ Visa Gold là 3.500.000đ (ba triệu năm trăm ngàn đồng) và thẻ JCB Car Card là 3.500.000đ (ba triệu năm trăm ngàn đồng) vào ngày 27/5/2015, số tiền này được trừ vào nợ gốc 89.329.673đ (tám mươi chín triệu ba trăm hai mươi chín ngàn sáu trăm bảy mươi ba đồng).

Tính đến ngày 26/7/2018, ông C còn nợ lại tổng số tiền là 198.295.556đ (một trăm chín mươi tám triệu hai trăm chín mươi lăm ngàn năm trăm năm mươi sáu đồng), trong đó: nợ thẻ Visa Gold tiền gốc là 75.383.035đ (bảy mươi lăm triệu ba trăm tám mươi ba ngàn không trăm ba mươi lăm đồng), tiền lãi quá hạn là 104.868.478đ (một trăm lẻ bốn triệu tám trăm sáu mươi tám ngàn bốn trăm bảy mươi tám đồng); nợ thẻ JCB Car Card nợ gốc là 6.946.638đ (sáu triệu chín trăm bốn mươi sáu ngàn sáu trăm ba mươi tám đồng), nợ lãi quá hạn là 11.097.405đ (mười một triệu không trăm chín mươi bảy ngàn bốn trăm lẻ năm đồng).

Tại phiên tòa hôm nay:

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn là ông Phạm Trường T có Đơn yêu cầu xét xử vắng mặt đề ngày 09/7/2018 và được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Bị đơn là ông Cao Việt C đã được Tòa án đã tổng đạt, niêm yết hợp lệ các văn bản tố tụng gồm: Thông báo thụ lý; Giấy triệu tập; Thông báo hòa giải; Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; Giấy triệu tập tham gia về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 132/2018/QĐST-DS ngày 22/6/2018; Quyết định hoãn phiên tòa số 103/2018/QĐST-HPT ngày 09/7/2018 nhưng ông C vẫn vắng mặt không lý do nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt ông C theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 7 phát biểu ý kiến:

I. Việc tuân theo pháp luật tố tụng:

1. Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử vụ án, Thư ký phiên tòa trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án:

* Việc tuân theo pháp luật trong thời gian chuẩn bị xét xử:

Thẩm phán được phân công thụ lý giải quyết vụ án đã thực hiện đúng quy định về: thẩm quyền thụ lý quy định tại các Điều từ 26 đến Điều 40 Bộ luật Tố tụng Dân sự 2015; Việc xác minh, thu thập chứng cứ, giao nhận chứng cứ đúng quy định tại các điều từ 93 đến 97 Bộ luật Tố tụng Dân sự 2015; Trình tự thụ lý, việc giao nhận thông báo thụ lý cho Viện kiểm sát và cho đương sự đúng quy định tại Điều 195, 196 Bộ luật Tố tụng Dân sự 2015. Tuy nhiên, chưa thực hiện đúng quy định tại Điều 203 Bộ luật Tố tụng Dân sự 2015 về thời hạn chuẩn bị xét xử.

* Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử, Thư ký tại phiên tòa:

- Hội đồng xét xử đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự 2015 về việc xét xử sơ thẩm vụ án.

2. Việc tuân theo pháp luật tố tụng của người tham gia tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án:

- Nguyên đơn và người đại diện đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của pháp luật.

- Bị đơn chưa thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của pháp luật, vắng mặt trong toàn bộ quá trình giải quyết vụ án.

II. Ý kiến về việc giải quyết vụ án:

Căn cứ vào tài liệu có trong hồ sơ vụ án cùng lời trình bày của nguyên đơn, có cơ sở cho rằng: Ngày 05/10/2009 ông C có ký với Ngân hàng TMCP S Hợp đồng sử dụng Thẻ tín dụng (bao gồm Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng và bản Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng), hạn mức tín dụng là 100.000.000 đồng với mục đích tiêu dùng cá nhân. Sau khi được cấp Thẻ tín dụng, ông C đã thực hiện các giao dịch với tổng số tiền là

384.369.309 đồng. Từ ngày kích hoạt thẻ đến nay ông C đã thanh toán cho Ngân hàng số tiền 397.691.000 đồng, sau đó ngưng không tiếp tục trả nữa. Qua nhiều lần làm việc, nhắc nhở nhưng ông C vẫn không có thiện chí trả nợ. Do ông C vi phạm nghĩa vụ thanh toán, ngày 16/01/2015 Ngân hàng đã chấm dứt quyền sử dụng thẻ và chuyển toàn bộ dư nợ còn thiếu sang nợ quá hạn. Tính đến ngày 26/7/2017, ông C còn nợ các khoản sau: Nợ gốc: 82.329.673 đồng; Lãi quá hạn: 115.965.883 đồng. Tổng cộng: 198.295.556 đồng.

Bị đơn vắng mặt trong toàn bộ quá trình giải quyết vụ án nên không trình bày được ý kiến cũng như từ bỏ quyền tự chứng minh của mình.

Xét thấy, thỏa thuận giữa ông C và Ngân hàng về việc mở thẻ tín dụng là tự nguyện, không trái quy định của pháp luật, do đó hợp đồng được công nhận và có giá trị thực hiện. Ông C đã nhận được tiền và sử dụng thẻ tín dụng trong một thời gian dài. Tuy nhiên, trong quá trình thực hiện, ông C đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán theo nội dung hợp đồng. Do đó, ngân hàng đã chuyển toàn bộ số nợ thành nợ quá hạn và khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc bị đơn phải thanh toán toàn bộ số nợ còn thiếu và lãi phát sinh là có cơ sở nên chấp nhận.

Đồng thời, ông C phải thanh toán cho ngân hàng tiền lãi phát sinh theo quy định tại Hợp đồng đã ký kể từ ngày 27/7/2018 cho đến khi thanh toán xong toàn bộ khoản nợ là có cơ sở nên chấp nhận.

Căn cứ các Điều 471 Bộ luật Dân sự 2005.

Căn cứ Điều 91, 95 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010.

Đề nghị HĐXX tuyên:

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn.

Về án phí: bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận.

Về lệ phí thông báo trên phương tiện thông tin đại chúng: bị đơn phải chịu, nên bị đơn phải có trách nhiệm trả lại cho nguyên đơn số tiền 3.225.000đ.

Căn cứ vào các chứng cứ và tài liệu đã được thẩm tra tại phiên tòa;

Căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

1. Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án:

Căn cứ vào đơn khởi kiện và yêu cầu của nguyên đơn về việc buộc bị đơn là ông Cao Việt C phải trả số tiền còn nợ lại theo Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng và Bản điều khoản và điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng ngày 05/10/2009 của Ngân hàng TMCP S thì đây là tranh chấp về “Hợp đồng vay tài sản” được quy định tại Điều 688 Bộ Luật Dân sự năm 2015, Điều 471 Bộ luật dân sự năm 2005.

Căn cứ vào Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng và Bản điều khoản và điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng ngày 05/10/2009 thẻ

hiện ông Cao Việt C tại thời điểm ký kết với Ngân hàng có địa chỉ tại 20D1 khu Dân cư Q, khu phố 2, phường P, Quận C, Thành phố Hồ Chí Minh. Căn cứ vào Kết quả cung cấp chứng cứ của Công an phường P Quận C Thành phố Hồ Chí Minh thì bị đơn là ông Cao Việt C đã đi đâu không rõ nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Toà án nhân dân Quận C, Thành phố Hồ Chí Minh theo quy định tại Điều 5, Điều 6 của Nghị quyết 04/2017/NQ-HĐTP ngày 5/5/2017 hướng dẫn một số quy định tại khoản 1 và khoản 3 Điều 192 Bộ Luật tố tụng dân sự năm 2015 về trả lại đơn khởi kiện, quyền nộp lại đơn khởi kiện, khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

2. Về hình thức:

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt. Đối với bị đơn là ông Cao Việt C mặc dù Tòa án đã triệu tập hợp lệ để cung cấp chứng cứ, tham gia phiên hòa giải, tham gia phiên họp để kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, tham gia phiên tòa nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Do đó, Hội đồng xét xử quyết định tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn theo quy định tại khoản 2 Điều 227; khoản 1, khoản 3 Điều 228, 238 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

3. Về yêu cầu của đương sự, Hội đồng xét xử xét thấy:

Căn cứ Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng và Bản điều khoản và điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng ngày 05/10/2009 giữa Ngân hàng TMCP S và bị đơn ông Cao Việt C cùng các chứng cứ khác có trong hồ sơ, đã có đủ cơ sở để kết luận Ngân hàng TMCP S có cấp cho ông C 02 thẻ tín dụng Visa Gold 472075-4771 và JCB Car Card 356481-2784 có chung hạn mức là 100.000.000đ (một trăm triệu đồng).

Căn cứ vào bản tóm tắt sao kê chi tiết của Ngân hàng xác định ông Cao Việt C đã sử dụng tổng số tiền là 384.369.309đ (ba trăm tám mươi bốn triệu ba trăm sáu mươi chín ngàn ba trăm lẻ chín đồng), bao gồm thẻ Visa Gold là 372.369.309đ (ba trăm bảy mươi hai triệu ba trăm sáu mươi chín ngàn ba trăm lẻ chín đồng) và thẻ JCB Car Card là 12.000.000đ (mười hai triệu đồng). Ông C đã thanh toán được cho Ngân hàng số tiền 397.691.000đ (ba trăm chín mươi bảy triệu sáu trăm chín mươi một ngàn đồng), bao gồm thẻ Visa Gold là 386.911.000đ (ba trăm tám mươi sáu triệu chín trăm mười một ngàn đồng), thẻ JCB Car Card là 10.780.000đ (mười triệu bảy trăm tám mươi ngàn đồng). Do ông C vi phạm nghĩa vụ thanh toán theo quy định tại Điều 2 của Bản Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng nên vào ngày 16/01/2015, Ngân hàng đã chấm dứt quyền sử dụng thẻ và chuyển toàn bộ dư nợ còn thiếu sang nợ quá hạn theo quy định tại Điều 23 Bản Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng là 89.329.673đ (tám mươi chín triệu ba trăm hai mươi chín ngàn sáu trăm bảy mươi ba đồng) làm nợ gốc (gồm thẻ Visa Gold là 78.883.035đ và thẻ JCB Car Card là 10.446.638đ), áp dụng lãi suất nợ quá hạn. Sau khi chuyển nợ quá hạn, ông C có thanh toán được cho Ngân hàng số tiền 7.000.000đ (bảy triệu đồng), gồm thẻ Visa Gold là 3.500.000đ (ba triệu năm trăm ngàn đồng) và thẻ JCB Car Card là

3.500.000đ (ba triệu năm trăm ngàn đồng) vào ngày 27/5/2015, số tiền này được trừ vào nợ gốc 89.329.673đ (tám mươi chín triệu ba trăm hai mươi chín ngàn sáu trăm bảy mươi ba đồng).

Trong quá trình Tòa án giải quyết vụ án, ông Cao Việt C đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vẫn không đến Tòa để giải quyết, không cung cấp chứng cứ, vắng mặt tại các phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải và tại phiên tòa hôm nay nên Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 2 Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 thì trình bày của nguyên đơn được chấp nhận mà không cần phải chứng minh do bị đơn đã không đưa ra chứng cứ chứng minh của mình theo quy định tại Điều 91 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, nên có căn cứ chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn là Ngân hàng về việc buộc bị đơn là ông C có trách nhiệm thanh toán cho Ngân hàng tổng số tiền 198.295.556đ (một trăm chín mươi tám triệu hai trăm chín mươi lăm ngàn năm trăm năm mươi sáu đồng) tính đến ngày 26/7/2016, trong đó: nợ thẻ Visa Gold tiền gốc là 75.383.035đ (bảy mươi lăm triệu ba trăm tám mươi ba ngàn không trăm ba mươi lăm đồng), tiền lãi quá hạn là 104.868.478đ (một trăm lẻ bốn triệu tám trăm sáu mươi tám ngàn bốn trăm bảy mươi tám đồng); nợ thẻ JCB Car Card nợ gốc là 6.946.638đ (sáu triệu chín trăm bốn mươi sáu ngàn sáu trăm ba mươi tám đồng), nợ lãi quá hạn là 11.097.405đ (mười một triệu không trăm chín mươi bảy ngàn bốn trăm lẻ năm đồng).

Căn cứ vào Án lệ số 08/2016/AL được Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao thông qua ngày 17/10/2016 và được công bố theo Quyết định số 698/QĐ-CA ngày 17/10/2016 của Chánh án Tòa án nhân dân tối cao thì kể từ ngày 27/7/2018, ông Cao Việt C còn phải thanh toán cho Ngân hàng tiền lãi phát sinh theo mức lãi suất quy định tại Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng và Bản điều khoản và điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng ngày 05/10/2009 cho đến khi thanh toán hết nợ.

- Về thời hạn trả nợ:

Nguyên đơn yêu cầu bị đơn trả nợ ngay khi bản án có hiệu lực pháp luật. Xét thấy, bị đơn đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán nên với yêu cầu này của nguyên đơn là có cơ sở chấp nhận.

4. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Bị đơn phải nộp án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch trên số tiền phải thanh toán theo quy định của Luật phí, lệ phí Tòa án.

5. Về lệ phí thông báo trên phương tiện thông tin đại chúng: ông Cao Việt C phải chịu lệ phí thông báo trên phương tiện thông tin đại chúng. Do nguyên đơn đã tạm nộp số tiền lệ phí trên theo Hóa đơn GTGT số 0001729 ngày 24/4/2018 của Báo Pháp luật Việt Nam là 2.400.000đ (hai triệu bốn trăm ngàn đồng) và Hóa đơn bán hàng số 0067336 của Cơ quan thường trú Đài tiếng nói Việt Nam là 825.000đ. Như vậy, ông Cao Việt C có trách nhiệm trả lại cho nguyên đơn số tiền 3.225.000đ (ba triệu hai trăm hai mươi lăm ngàn đồng).

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Áp dụng khoản 3 Điều 26, điểm b, khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

- Áp dụng vào Điều 471 Bộ Luật Dân sự năm 2005;

- Áp dụng vào khoản 2 Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010;

- Áp dụng Điều 1 Thông tư số 12/2010/TT-NHNN ngày 14/4/2010 của Ngân hàng Nhà nước hướng dẫn tổ chức tín dụng cho vay bằng đồng Việt Nam đối với khách hàng theo lãi suất thỏa thuận;

- Áp dụng khoản 2 Điều 11 Quy chế cho vay của Tổ chức tín dụng đối với khách hàng được ban hành theo Quyết định 1627/2001/QĐ-NHNN ngày 31/12/2001 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước được sửa đổi bổ sung bằng Quyết định số 127/2005/QĐ-NHNN ngày 03/02/2005;

- Áp dụng Án lệ số 08/2016/AL được Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao thông qua ngày 17/10/2016 và được công bố theo Quyết định số 698/QĐ-CA ngày 17/10/2016 của Chánh án Tòa án nhân dân tối cao;

- Áp dụng Luật phí, lệ phí Tòa án và khoản 1 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội;

- Áp dụng Luật Thi hành án dân sự.

Xử:

Về hình thức: xét xử vắng mặt nguyên đơn Ngân hàng TMCP S và bị đơn là ông Cao Việt C.

Về nội dung: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng TMCP S.

- Buộc ông Cao Việt C phải trả cho Ngân hàng TMCP S tổng số tiền 198.295.556đ (một trăm chín mươi tám triệu hai trăm chín mươi lăm ngàn năm trăm năm mươi sáu đồng) tính đến ngày 26/7/2016, trong đó: nợ thẻ Visa Gold tiền gốc là 75.383.035đ (bảy mươi lăm triệu ba trăm tám mươi ba ngàn không trăm ba mươi lăm đồng), tiền lãi quá hạn là 104.868.478đ (một trăm lẻ bốn triệu tám trăm sáu mươi tám ngàn bốn trăm bảy mươi tám đồng); nợ thẻ JCB Car Card nợ gốc là 6.946.638đ (sáu triệu chín trăm bốn mươi sáu ngàn sáu trăm ba mươi tám đồng), nợ lãi quá hạn là 11.097.405đ (mười một triệu không trăm chín mươi bảy ngàn bốn trăm lẻ năm đồng).

Thi hành ngay sau khi án có hiệu lực pháp luật.

Ngoài ra, kể từ ngày 27/7/2018, ông Cao Việt C còn phải thanh toán cho Ngân hàng TMCP S tiền lãi phát sinh theo mức lãi suất quy định tại Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng và Bản điều khoản và điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng ngày 05/10/2009 cho đến khi thanh toán hết nợ.

Về án phí dân sự sơ thẩm:

Ông Cao Việt C phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm là 9.914.778đ (chín triệu chín trăm mười bốn ngàn bảy trăm bảy mươi tám đồng)

Ngân hàng TMCP S không phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn lại số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 4.311.524đ (bốn triệu ba trăm mười một ngàn năm trăm hai mươi bốn đồng) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AA/2017/0024467 ngày 24/10/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh cho Ngân hàng TMCP S.

Về lệ phí thông báo trên phương tiện thông tin đại chúng:

Buộc ông Cao Việt C phải trả lại cho Ngân hàng TMCP S tiền lệ phí thông báo trên phương tiện thông tin đại chúng là 3.225.000đ (ba triệu hai trăm hai mươi lăm ngàn đồng), trả làm một lần ngay sau khi bản án có hiệu lực thi hành.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự năm 2008 đã được sửa đổi, bổ sung năm 2014.

Các đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo bản án sơ thẩm đến Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày được tổng đạt bản sao bản án hoặc kể từ ngày bản sao bản án được niêm yết hợp lệ.

Nơi nhận:

- TAND Tp.HCM;
- VKSND Quận 7, Tp.HCM;
- Chi cục THADS Quận 7, Tp.HCM;
- Các đương sự;
- Lưu (TK N).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Thị Ngọc Phương